

THÔNG TƯ

Quy định Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động du lịch do ngành Du lịch quản lý, cấp phép

Căn cứ Luật Thống kê ngày 26 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16/7/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 02/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê;

Căn cứ Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch,

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động du lịch do ngành Du lịch quản lý, cấp phép.

Điều 1. Phạm vi thống kê, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi thống kê:

Thông tư này hướng dẫn về biểu mẫu báo cáo thống kê sử dụng tại các cơ sở, doanh nghiệp về kết quả hoạt động du lịch trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động du lịch do ngành Du lịch quản lý, cấp phép.

Điều 2. Chế độ báo cáo

1. Nội dung báo cáo:

Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động du lịch chia làm 2 phần: Phần biểu mẫu (03 biểu mẫu) và Phần hướng dẫn, giải thích biểu mẫu. Các đơn vị được phân công thực hiện báo cáo thống kê theo Danh mục các biểu mẫu báo cáo thống kê tại Phụ lục 1 và Phần Hướng dẫn, giải thích cách ghi biểu mẫu báo cáo thống kê tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thời hạn và kỳ gửi báo cáo thống kê:

a) Thời hạn báo cáo:

Ngày báo cáo được ghi cụ thể tại góc bên trái của từng biểu mẫu thống kê. Cụ thể như sau:

- Báo cáo tháng: Ngày 10 tháng sau của tháng báo cáo;
- Báo cáo năm: Ngày 10 tháng 2 của năm sau.

b) Kỳ báo cáo thống kê:

Kỳ báo cáo thống kê là khoảng thời gian nhất định mà đối tượng báo cáo thống kê phải thể hiện kết quả hoạt động bằng số liệu theo các tiêu chí thống kê trong biểu mẫu báo cáo thống kê. Kỳ báo cáo thống kê được tính theo ngày dương lịch, bao gồm:

- Báo cáo thống kê tháng: Báo cáo thống kê tháng được tính bắt đầu từ ngày mùng 1 cho đến ngày cuối cùng của tháng;
- Báo cáo thống kê năm: Báo cáo thống kê năm được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo thống kê đó.

3. Phương thức gửi báo cáo:

Báo cáo được gửi tới nơi nhận bằng cả hai hình thức sau:

- a) Báo cáo thống kê được thể hiện bằng văn bản và phải có chữ ký, đóng dấu của thủ trưởng đơn vị;
- b) Bằng tệp dữ liệu báo cáo (gửi kèm thư điện tử) cho đơn vị nhận báo cáo.

Điều 3. Đơn vị báo cáo, trách nhiệm và nghĩa vụ của đơn vị báo cáo

1. Đơn vị báo cáo:

Đơn vị báo cáo được ghi cụ thể tại góc bên phải của từng biểu mẫu thống kê. Cụ thể như sau:

- Các cơ sở, doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch du lịch chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp từ biểu số 01.T/DL-DN và biểu số 03.N/DL-DN;
- Các cơ sở, doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, vận chuyên, khu, điểm tham quan du lịch chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp từ biểu số 02.T/DL-DN và biểu số 03.N/DL-DN;
- Trường hợp cơ sở, doanh nghiệp kinh doanh cả cơ sở lưu trú du lịch, lữ hành hoặc điểm tham quan thì báo cáo cả ba biểu số 01.T/DL-DN, 02.T/DL-DN và 03.N/DL-DN.

2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của đơn vị báo cáo:

- a) Chấp hành báo cáo đầy đủ, chính xác chỉ tiêu quy định trong từng biểu mẫu báo cáo;
- b) Lập báo cáo theo đúng quy định về thời điểm báo cáo, thời kỳ báo cáo;
- c) Gửi báo cáo cho đơn vị nhận báo cáo theo đúng quy định về thời hạn.

Điều 4. Đơn vị nhận báo cáo

Đơn vị nhận báo cáo được ghi cụ thể tại góc bên phải của từng biểu mẫu thống kê, là tên cơ quan quản lý du lịch địa phương được phân cấp. Có thể là Phòng Văn hóa và Thông tin hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Du lịch.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2015.

2. Căn cứ vào công tác quản lý, xếp hạng, cấp phép của cơ quan quản lý du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Du lịch các địa phương triển khai chế độ báo cáo này đến các cơ sở, doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động du lịch do Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định.

4. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Vụ Kế hoạch, Tài chính và Tổng cục Du lịch) để kịp thời xem xét, điều chỉnh.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Du lịch thành phố Hồ Chí Minh;
- Bộ VH-TT-DL: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công báo;
- Lưu: VT, KHTC, B. Liên.(250).

BỘ TRƯỞNG

Đã ký

Hoàng Tuấn Anh

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ CƠ SỞ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ, DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG DU LỊCH
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 26/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Biểu số: 01.T/DL-DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
 Ngày báo cáo: Ngày 10 tháng sau tháng báo cáo.

KẾT QUẢ
KINH DOANH CƠ SỞ

Tháng..... năm

Đơn vị báo cáo:

Cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch

Đơn vị nhận báo cáo: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Du lịch tỉnh/thành phố

Tên cơ sởMã số thuế

Địa chỉ

Loại hình doanh nghiệp

Cơ quan chủ quản:

Điện thoại:Fax:.....Email:

Giấy phép hoạt động du lịch:.....

Chỉ tiêu	ĐV tính	Mã số	Số thực hiện kỳ trước	Số thực hiện kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế so với cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4= (%)
1. Khách do cơ sở lưu trú phục vụ (khách có nghỉ qua đêm tại cơ sở)						
1.1. Số lượt khách phục vụ	Lượt	01				
- Khách quốc tế đến	Lượt	02				
- Khách du lịch nội địa	Lượt	03				
1.2. Tổng số ngày lưu trú của khách (số đêm lưu trú):	Đêm	04				
- Khách quốc tế đến	Đêm	05				
- Khách du lịch nội địa	Đêm	06				
2. Công suất sử dụng phòng (07)=(08) / (09)*100	%	07				
- Tổng số ngày phòng đã bán	Đêm	08				
- Tổng số ngày phòng sẵn có để bán	Đêm	09				
3. Doanh thu	Triệu đ	10				
- Dịch vụ lưu trú	Triệu đ	11				
- Dịch vụ ăn uống	Triệu đ	12				
- Dịch vụ khác	Triệu đ	13				

Chỉ tiêu	ĐV tính	Mã số	Số thực hiện kỳ trước	Số thực hiện kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế so với cùng kỳ năm trước
4. Số lao động trực tiếp hoạt động du lịch	Người	14				
- Hoạt động lưu trú	Người	15				
- Hoạt động ăn uống	Người	16				
- Khác	Người	17				
5. Số lượng khách của 10 thị trường hàng đầu (theo quốc tịch khách quốc tế đến)						
-	Người	18				
-	Người	19				

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

.....Ngày ... tháng ... năm 20..
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 02.T/DL-DN

Ban hành kèm theo Thông
tư số 26/2014/TT-BVHTTDL
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa,
Thể thao và Du lịch;

Ngày báo cáo: Ngày 10 tháng
sau tháng báo cáo

Tên cơ sởMã số thuế

Địa chỉ

Loại hình doanh nghiệp

Cơ quan chủ quản:

Điện thoại:Fax:Email:

Giấy phép hoạt động du lịch:

KẾT QUẢ
KINH DOANH CƠ SỞ
Thángnăm

Đơn vị báo cáo:

Cơ sở kinh doanh lữ hành,
vận chuyển, khu, điểm du
lịch

Đơn vị nhận báo cáo: Sở
Văn hóa, Thể thao và Du
lịch hoặc Sở Du lịch
tỉnh/thành phố

Chỉ tiêu	ĐV tính	Mã số	Số thực hiện kỳ trước	Số thực hiện kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế so với cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4= (%)
1. Doanh nghiệp lữ hành, vận chuyển khách du lịch						
- Số lượt khách phục vụ	Lượt	01				
+ Khách du lịch quốc tế đến	Lượt	02				
+ Khách du lịch nội địa	Lượt	03				
+ Khách Việt Nam du lịch nước ngoài	Lượt	04				
- Doanh thu Trong đó:	Triệu đ	05				
+ Khách du lịch quốc tế đến	Triệu đ	06				
+ Khách du lịch nội địa	Triệu đ	07				
+ Khách Việt Nam du lịch nước ngoài	Triệu đ	08				
2. Các khu, điểm du lịch được công nhận						
- Số lượt khách phục vụ	Lượt	09				
- Doanh thu	Triệu đ	10				
+ Phí và lệ phí	Triệu đ	11				
+ Thu khác	Triệu đ	12				
3. Tổng số lao động trực tiếp hoạt động du lịch của cơ sở	Người	13				
- Ăn uống	Người	14				
- Lữ hành	Người	15				
- Vận chuyển khách	Người	16				
- Vui chơi, giải trí, bán hàng	Người	17				
- Khác	Người	18				

.....Ngày ... tháng ... năm 20..

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 03.N/DL-DN
 Ban hành kèm theo
 Thông tư số 26/2014/TT-
 BVHTTDL ngày 31 tháng
 12 năm 2014 của Bộ
 trưởng Bộ Văn hóa, Thể
 thao và Du lịch;
 Ngày báo cáo: Ngày 10/2
 năm sau

ĐÀU TƯ
PHÁT TRIỂN CƠ SỞ
 Năm

Đơn vị báo cáo:
 Cơ sở hoạt động kinh doanh
 du lịch
 Đơn vị nhận báo cáo: Sở
 Văn hóa, Thể thao và Du
 lịch hoặc Sở Du lịch
 tỉnh/thành phố

Tên cơ sởMã số thuế

Địa chỉ
 Loại hình doanh nghiệp

Cơ quan chủ quản:

Điện thoại: Fax: Email:

Giấy phép hoạt động du lịch:

Doanh thu thuần (Số quyết toán năm)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Chia ra		Ghi chú
				Vốn doanh nghiệp	Vốn khác	
A	B	C	1	2	3	4
1. Chỉ tiêu cho công tác thông tin, quảng bá, xúc tiến du lịch	Triệu đ	01				
- Hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch	Triệu đ	02				
- Tổ chức sự kiện	Triệu đ	03				
- Điều tra, khảo sát...	Triệu đ	04				
- Khác	Triệu đ	05				
2. Số vốn đầu tư vào tài sản phục vụ cho hoạt động du lịch	Triệu đ	06				
- Đường nội bộ, cảnh quan trong khu, điểm du lịch	Triệu đ	07				
- Cơ sở lưu trú	Triệu đ	08				
- Cơ sở ăn uống	Triệu đ	09				
- Vận tải hành khách	Triệu đ	10				
- Cơ sở vui chơi, thể thao giải trí	Triệu đ	11				
- Cơ sở bán hàng hóa, vật phẩm lưu niệm	Triệu đ	12				
- Khác	Triệu đ	13				
3. Số dự án đầu tư du lịch mới	Dự án	14		X	X	
4. Số vốn đầu tư dự án du lịch mới	Triệu đ	15				

.....Ngày ... tháng ... năm 20..

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
 (Ký, đóng dấu, họ tên)

Phụ lục 2

HƯỚNG DẪN, GIẢI THÍCH CÁCH GHI BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ CƠ SỞ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ, DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG DU LỊCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 26/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Biểu số 01.T/DL-DN: Kết quả kinh doanh cơ sở

Áp dụng cho các cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch do ngành Du lịch quản lý, cấp phép.

1. Nội dung

Tổng hợp kết quả kinh doanh của cơ sở lưu trú du lịch.

2. Phương pháp tính và cách ghi biểu

- Tên cơ sở: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên của doanh nghiệp đúng theo giấy phép đăng ký kinh doanh.

- Mã số thuế của doanh nghiệp: Ghi mã số thuế 10 số của doanh nghiệp do cơ quan thuế cấp.

- Địa chỉ doanh nghiệp: Ghi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (bao gồm địa chỉ theo danh mục hành chính, số điện thoại, fax, email lấy theo số của đơn vị, phòng ban chịu trách nhiệm chính với số liệu ghi trong báo cáo).

- Loại hình doanh nghiệp: Ghi rõ tên loại hình doanh nghiệp.

- Cơ quan chủ quản: Ghi cơ quan, ngành quản lý trực tiếp đơn vị.

- Điện thoại, Fax và Email:

- Giấy phép hoạt động du lịch: Ghi giấy phép hoạt động, tiêu chuẩn xếp hạng, loại hình hoạt động hoặc các giấy tờ khác do ngành Du lịch cấp.

Chú ý:

Trường hợp doanh nghiệp có nhiều cơ sở cùng trên địa bàn và cùng hạng, hạch toán khai thuế chung thì khai cùng trên 1 phiếu, nếu hạch toán khai thuế riêng thì khai phiếu khác nhau. Nếu cơ sở xếp hạng khác nhau thì khai phiếu khác nhau.

Cột A: Tên chỉ tiêu và phân tổ:

Chỉ tiêu 1: Khách do cơ sở lưu trú phục vụ (khách có nghỉ qua đêm tại cơ sở)

Phân tổ 1.1. Tổng số lượt khách phục vụ (chia theo nhóm khách)

- Số lượt khách do cơ sở lưu trú du lịch phục vụ được tính khi đón khách, bắt đầu vào sử dụng dịch vụ cho đến khi trả phòng.

Nếu một khách đến thuê sử dụng nhiều phòng, nhiều dịch vụ cùng lúc thì chỉ được tính là một lượt khách.

Nếu một người khách đến thuê phòng dịch vụ nhiều lần tại các thời điểm khác nhau thì mỗi lần khách đến được xác định là một lượt khách.

Trường hợp khách đến thuê phòng theo giờ có trả tiền thì không tính lượt khách.

Trường hợp khách không thuê phòng, hoặc chỉ thuê các dịch vụ hỗ trợ như phòng hội thảo, ăn uống, ... thì không tính lượt khách.

Trường hợp khách đến đăng ký thuê phòng ngủ qua đêm (đã thanh toán tiền phòng) nhưng vì một lý do nào đó không ngủ lại đêm tại cơ sở thì người khách này vẫn được tính là khách có ngủ qua đêm.

Trường hợp khách của đơn vị này giới thiệu, chuyển giao cho các đơn vị khác thì khách thuê buồng ngủ ở đâu thì đơn vị đó được tính.

Dòng (01)=(02)+(03)

Phân tổ 1.2: Tổng số ngày khách (số đêm lưu trú)

Tổng số ngày khách: Được tính là tổng số đêm lưu trú tại khách sạn của tất cả các khách trong kỳ báo cáo.

Số ngày khách được tính theo số lượt khách đến, không tính theo phòng. Ví dụ: Cơ sở bán phòng đôi cho 1 khách lưu trú 2 ngày thì tổng số ngày khách là 2. Nếu bán phòng đôi cho 2 khách lưu trú 2 ngày thì tổng số ngày khách là 4.

Trường hợp khách ở qua thời điểm của kỳ báo cáo thì số lượt khách chỉ tính 1 lần tại thời điểm khách đến, số ngày khách được chia theo mốc kỳ báo cáo, ngày lưu trú của kỳ nào sẽ tính cho kỳ đó. Ví dụ: 1 khách lưu trú từ ngày 28 tháng trước đến ngày 2 tháng sau, thì về lượt khách, chỉ tính cho tháng trước là thời điểm khách đến, tháng sau không tính lượt cho khách này. Về số ngày khách thì tháng trước tính từ 28 đến hết tháng, tháng sau số ngày khách tính từ mùng 1 đến ngày khách trả phòng.

Tổng số ngày khách: Được chia theo khách du lịch quốc tế và khách du lịch nội địa.

Dòng (04)=(05)+(06)

Chỉ tiêu 2: Công suất sử dụng phòng tại các cơ sở lưu trú du lịch.

Phòng lưu trú du lịch là một đơn vị nhỏ nhất, được sử dụng để cho thuê với mục đích lưu trú của khách du lịch. Kết cấu trang bị trong phòng được quy định tiêu chuẩn tương xứng với từng hạng sao của cơ sở lưu trú.

Chú ý: Không được tự đặt xếp hạng cho phòng lưu trú khác với xếp hạng do cơ quan quản lý cấp phép.

Trường hợp các phòng xuống cấp, không đạt tiêu chuẩn xếp hạng của cơ sở lưu trú thì không được thống kê.

Công suất sử dụng phòng của cơ sở lưu trú du lịch

$$\text{Công suất phòng} = \frac{\text{Tổng số ngày phòng đã bán được trong kỳ (đêm lưu trú)}}{\text{Tổng số ngày phòng sẵn có để bán trong kỳ}} \times 100$$

$$\text{Dòng (07)} = (08) / (09) * 100$$

- Tổng số ngày phòng đã bán được trong kỳ (đêm lưu trú) là tổng số ngày (đêm lưu trú) của các phòng đã sử dụng cho khách thuê trong kỳ báo cáo (Ghi theo phiếu hướng dẫn thống kê ghi sổ).

- Tổng số ngày phòng sẵn có để bán trong kỳ là tổng số ngày phòng sẵn có để bán, dù bán được hay không (thường là tổng số phòng nhân với tổng số ngày của kỳ báo cáo).

Chỉ tiêu 3: Doanh thu tại cơ sở lưu trú là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong thời gian kỳ báo cáo (tháng, quý, năm) phát sinh từ các hoạt động kinh doanh dịch vụ của doanh nghiệp, được khách hàng chấp nhận thanh toán.

$$\text{Dòng (10)} = (11) + (12) + (13)$$

Chỉ tiêu 4: Tổng số lao động trực tiếp hoạt động du lịch của cơ sở là tổng số lao động của cơ sở hoạt động du lịch, do cơ sở trực tiếp quản lý sử dụng, có hợp đồng lao động và trả lương hàng tháng (không tính lao động hợp đồng thời vụ, lao động bán thời gian...).

$$\text{Dòng (14)} = (15) + (16) + (17)$$

Chỉ tiêu 5: Số lượng khách của 10 thị trường hàng đầu: Ghi 10 quốc tịch có khách đến lưu trú nhiều nhất (tháng báo cáo).

Chú ý:

- Đối với dịch vụ lưu trú: Hoạt động cho thuê nhà ở dài ngày (tháng, năm) và hoạt động cho thuê văn phòng không được coi là hoạt động thuộc dịch vụ lưu trú, các hoạt động đó thuộc phạm vi của hoạt động cho thuê bất động sản

Cột B: Đơn vị tính;

Cột C: Mã số: Chỉ tiêu có đánh mã thì thống kê, không đánh mã không thống kê;

Cột 1: Số thực hiện kỳ trước là số của tháng trước tháng báo cáo;

Cột 2: Số thực hiện trong kỳ là số thống kê tháng báo cáo;

Cột 3: Lũy kế từ đầu năm là số cộng từ tháng 01 đến tháng báo cáo;

Cột 4: Lũy kế so với cùng kỳ năm trước là tỷ lệ % lũy kế đến tháng báo cáo so với lũy kế cùng kỳ năm trước;

- Báo cáo tháng:

Tháng 1: Cột “Số thực hiện kỳ trước” là số của tháng 12 năm trước. Cột 3 “Lũy kế từ đầu năm” bằng Cột 2 “Số thực hiện kỳ báo cáo”.

Tháng 12: Cột 3 “Lũy kế từ đầu năm” là số cả năm.

3. Nguồn số liệu

- Thống kê ghi sổ của doanh nghiệp;
- Số liệu Báo cáo tài chính tháng, quý, năm.

Biểu số 02.T/DL-DN: Kết quả kinh doanh cơ sở

Áp dụng cho các doanh nghiệp lữ hành, vận chuyển khách du lịch, khu điểm du lịch do ngành Du lịch quản lý, cấp phép.

1. Nội dung

Tổng hợp kết quả kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành, vận chuyển khách du lịch, khu điểm du lịch.

- Hoạt động lữ hành là hoạt động bán, tổ chức thực hiện các chương trình du lịch trọn gói hoặc không trọn gói phục vụ khách du lịch, thực hiện các dịch vụ tư vấn, cung cấp thông tin, lập kế hoạch tham quan du lịch, hướng dẫn khách du lịch, làm đại lý du lịch cho các đơn vị khác.

- Hoạt động lữ hành quốc tế là hoạt động lữ hành đối với khách du lịch quốc tế (bao gồm khách quốc tế đến Việt Nam và khách quốc tế Việt Nam ra nước ngoài). Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này phải có giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế. Hướng dẫn viên của doanh nghiệp theo đoàn phải có thẻ hướng dẫn viên quốc tế.

- Hoạt động lữ hành nội địa là hoạt động lữ hành đối với khách du lịch nội địa.

- Vận chuyển khách đường bộ bao gồm tất cả các phương tiện vận chuyển có hay không có động cơ, vận chuyển trên đất liền, bao gồm cả đường sắt.

- Vận chuyển khách đường thủy bao gồm tất cả các phương tiện vận chuyển có hay không có động cơ, vận chuyển trên sông hay biển như thuyền, tàu thủy, phà, canô...

- Vận chuyển khách đường không bao gồm tất cả các phương tiện bay trên không, có hay không có động cơ, được sử dụng vận chuyển khách như máy bay, tàu lượn, kính khí cầu...

- Cơ sở kinh doanh khu, điểm du lịch bao gồm các cá nhân, tổ chức thực hiện các dự án kinh doanh phát triển khu du lịch, điểm du lịch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, được đón khách và thu phí theo quy định của pháp luật; Các bảo tàng, khu di tích, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia...

được Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thành lập ban quản lý và thực hiện thu phí với khách tham quan.

- Kinh doanh phát triển khu du lịch, điểm du lịch bao gồm đầu tư bảo tồn, nâng cấp tài nguyên du lịch đã có, đưa các tài nguyên du lịch tiềm năng vào khai thác; phát triển khu du lịch, điểm du lịch mới; kinh doanh xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch, cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch. Kinh doanh dịch vụ du lịch trong khu du lịch, điểm du lịch, đô thị du lịch có thể bao gồm kinh doanh lữ hành, lưu trú du lịch, vận chuyển khách du lịch, ăn uống, mua sắm, thể thao, giải trí, thông tin và các dịch vụ khác phục vụ khách du lịch.

- Doanh thu tại cơ sở, doanh nghiệp là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong thời gian kỳ báo cáo (tháng, quý, năm) phát sinh từ các hoạt động kinh doanh dịch vụ của doanh nghiệp, được khách hàng chấp nhận thanh toán.

2. Phương pháp tính và cách ghi biểu

- Tên cơ sở: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên của doanh nghiệp đúng theo giấy phép đăng ký kinh doanh.

- Mã số thuế của doanh nghiệp: Ghi mã số thuế 10 số của doanh nghiệp do cơ quan thuế cấp.

- Địa chỉ doanh nghiệp: Ghi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (bao gồm địa chỉ theo danh mục hành chính, số điện thoại, fax, email lấy theo số của đơn vị, phòng ban chịu trách nhiệm chính với số liệu ghi trong báo cáo).

- Loại hình doanh nghiệp: Ghi rõ tên loại hình doanh nghiệp.

- Cơ quan chủ quản: Ghi cơ quan, ngành quản lý trực tiếp đơn vị.

- Điện thoại, Fax và Email:

- Giấy phép hoạt động du lịch: Ghi giấy phép hoạt động, tiêu chuẩn xếp hạng, loại hình hoạt động hoặc các giấy tờ khác do ngành du lịch cấp.

Cột A: Tên chỉ tiêu và phân tổ

1. Doanh nghiệp lữ hành, vận chuyển khách du lịch

Chỉ tiêu 1: Số lượt khách phục vụ

Số lượt khách do các doanh nghiệp lữ hành phục vụ được tính khi đón khách, bắt đầu vào sử dụng dịch vụ cho đến khi trả khách về nơi đón.

Các trường hợp khách không sử dụng tour của doanh nghiệp như khách hủy tour, nhượng khách cho doanh nghiệp khác, hợp đồng đại lý khách ... thì không thống kê.

Trường hợp ghép khách, bán khách với một công ty lữ hành khác thì không thống kê. Ví dụ: Công ty A có tour xuyên Việt, nhưng khi khách đến Hà Nội, chương trình có 1 ngày tham quan Hà Nội, Công ty A bán cho Công ty B thực hiện 1 ngày tham quan Hà Nội. Khi thực hiện thống kê du lịch, cả hai Công

ty A và B đều được tính số lượt khách của đoàn tour, chỉ khác khi tổng hợp số ngày khách phục vụ thì Công ty A chỉ được tính bằng tổng số ngày tour trừ đi tổng số ngày đã bán cho Công ty B. Doanh thu theo giá thực tế cũng phải trừ theo nguyên tắc trên.

Chỉ tiêu 2: Doanh thu

Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong thời gian kỳ báo cáo (tháng, quý, năm) phát sinh từ các hoạt động kinh doanh dịch vụ của doanh nghiệp, được khách hàng chấp nhận thanh toán (bao gồm cả phần chi hộ khách).

2. Các khu, điểm du lịch được công nhận

Chỉ tiêu 1: Số lượt khách phục vụ

Số lượt khách do các khu điểm du lịch phục vụ được tính khi khách bắt đầu vào sử dụng dịch vụ cho đến khi ra khỏi khu, điểm du lịch.

Số lượt khách đến thông qua kiểm soát vé.

Chỉ tiêu 2: Doanh thu

Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong thời gian kỳ báo cáo (tháng, quý, năm) phát sinh từ các hoạt động kinh doanh dịch vụ của doanh nghiệp, được khách hàng chấp nhận thanh toán.

3. Tổng số lao động trực tiếp hoạt động du lịch của cơ sở

Là tổng số lao động của cơ sở hoạt động du lịch, do cơ sở trực tiếp quản lý sử dụng, có hợp đồng lao động và trả lương hàng tháng.

Cột B: Đơn vị tính;

Cột C: Mã số: Chỉ tiêu có đánh mã thì thống kê, không đánh mã không thống kê;

Cột 1: Số thực hiện kỳ trước là số của tháng trước tháng báo cáo;

Cột 2: Số thực hiện trong kỳ là số thống kê tháng báo cáo;

Cột 3: Lũy kế từ đầu năm là số cộng từ tháng 1 đến tháng báo cáo;

Cột 4: Lũy kế so với năm trước là tỷ lệ % lũy kế đến tháng báo cáo so với mức lũy kế cùng kỳ năm trước.

Báo cáo tháng:

Tháng 1: Cột “Số thực hiện kỳ trước” là số của tháng 12 năm trước. Cột 3 “Lũy kế từ đầu năm” bằng Cột 2 “Số thực hiện kỳ báo cáo”.

Tháng 12: cột 3 “Lũy kế từ đầu năm” là số cả năm.

3. Nguồn số liệu

- Thống kê ghi sổ của doanh nghiệp;
- Số liệu Báo cáo tài chính tháng, quý, năm.

Biểu số 03.N/DL-DN: Đầu tư phát triển cơ sở

Áp dụng cho các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động du lịch do ngành Du lịch quản lý, cấp phép.

1. Nội dung

Tổng hợp đầu tư vốn phát triển cơ sở.

2. Phương pháp tính và cách ghi biểu

- Tên cơ sở: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên của doanh nghiệp đúng theo giấy phép đăng ký kinh doanh.

- Mã số thuế của doanh nghiệp: Ghi mã số thuế 10 số của doanh nghiệp do cơ quan thuế cấp.

- Địa chỉ doanh nghiệp: Ghi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (bao gồm địa chỉ theo danh mục hành chính, số điện thoại, fax, email lấy theo số của đơn vị, phòng ban chịu trách nhiệm chính với số liệu ghi trong báo cáo).

- Loại hình doanh nghiệp: Ghi rõ tên loại hình doanh nghiệp.

- Cơ quan chủ quản: Ghi cơ quan, ngành quản lý trực tiếp đơn vị.

- Điện thoại, Fax và Email:

- Giấy phép hoạt động du lịch: Ghi giấy phép hoạt động, tiêu chuẩn xếp hạng, loại hình hoạt động hoặc các giấy tờ khác do ngành Du lịch cấp.

Cột A: Tên chỉ tiêu và phân tổ:

Chỉ tiêu 1: Chỉ tiêu cho công tác thông tin, quảng bá, xúc tiến du lịch

Ghi tổng số kinh phí chi theo phân loại nếu có.

Chỉ tiêu 2: Số vốn đầu tư vào tài sản phục vụ cho hoạt động du lịch

Ghi tổng số kinh phí chi theo phân loại nếu có.

Chỉ tiêu 3: Số dự án đầu tư du lịch mới

Ghi tổng số dự án đầu tư du lịch mới do doanh nghiệp tham gia hoặc làm chủ đầu tư.

Chỉ tiêu 4: Số vốn đầu tư dự án du lịch mới

Ghi tổng số vốn đầu tư của doanh nghiệp tham gia hoặc đầu tư mới.

Cột B: Đơn vị tính;

Cột C: Mã số: Chỉ tiêu có đánh mã thì thống kê, không đánh mã không thống kê;

Cột 1: Tổng cộng: Ghi vốn tổng cộng;

Cột 2: Ghi vốn do doanh nghiệp chi;

Cột 3: Ghi nguồn vốn khác nếu có;

Cột 4: Ghi chú: Ghi chú về nguồn vốn khác nếu có.

3. Nguồn số liệu

- Thống kê ghi sổ của doanh nghiệp;
- Số liệu Báo cáo thuế tháng, quý, năm;
- Dự án, đề án của doanh nghiệp./.